

CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG CẢ NƯỚC

KHU VỰC NÔNG THÔN

Tháng 08 năm 2011

Đơn vị tính: %

	CHỈ SỐ GIÁ THÁNG 08 NĂM 2011 SO VỚI				8 tháng đầu năm 2011 so với cùng kỳ năm 2010
	Kỳ gốc năm 2009	Tháng 08 năm 2010	Tháng 12 năm 2010	Tháng 07 năm 2011	
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG	134,83	123,24	115,77	100,94	117,76
I, Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	147,74	134,50	123,06	101,31	125,13
1- Lương thực	139,39	128,29	110,40	100,44	122,69
2- Thực phẩm	152,62	139,25	128,67	101,63	127,39
3- Ăn uống ngoài gia đình	138,78	123,70	118,58	101,08	118,96
II, Đồ uống và thuốc lá	123,91	112,53	108,72	100,59	111,54
III, May mặc, mũ nón, giày dép	122,60	112,71	109,21	100,77	110,84
IV, Nhà ở và vật liệu xây dựng (*)	142,89	123,35	116,19	100,81	118,45
V, Thiết bị và đồ dùng gia đình	116,47	109,34	106,85	100,51	108,20
VI, Thuốc và dịch vụ y tế	109,51	105,77	104,15	100,24	105,24
VII, Giao thông	135,84	120,85	118,67	100,27	113,70
VIII, Bưu chính viễn thông	89,15	97,82	98,18	99,97	94,89
IX, Giáo dục	137,31	127,23	108,08	101,28	126,50
X, Văn hoá, giải trí và du lịch	111,94	107,65	106,67	100,32	105,78
XI, Hàng hoá và dịch vụ khác	127,37	112,40	109,26	100,98	110,45

(*) Nhóm này bao gồm: tiền thuê nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng